

Bản án số: 33/2021/DS-ST

Ngày: 07/9/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Hiến; Ông Phạm Đình Bông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Đình Hội là Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:***
Tổng Mạnh Cường, chức vụ Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLST-DS, ngày 30/3/2021, về việc “*Kiến nghị tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS, ngày 30/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2021/QĐST-DS ngày 19/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th cho ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) và 10 chỉ vàng 9999, cụ thể như sau:

Ngày 05/12/2012 (âm lịch) vay 10 chỉ vàng 9999;

Ngày 26/6/2014 (âm lịch) vay số tiền 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*);

Ngày 05/6/2016 (âm lịch) vay số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

Ngoài ra, ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th còn bán thuốc cỏ, thuốc trừ sâu cho ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R nhiều lần với tổng số tiền còn nợ cụ thể như sau:

Từ ngày 27/12/2012 đến ngày 29/4/2015 số tiền còn nợ là 6.820.000 đồng (*sáu triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*);

Từ ngày 21/9/2016 đến ngày 12/5/2017 số tiền còn nợ là 10.286.000 đồng (*Mười triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Tổng số tiền ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R còn nợ ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th là 71.106.000 đồng (*Bảy mươi một triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng*) và 10 chỉ vàng 9999. Các bên có viết “*giấy mượn tiền cộng vàng*” thể hiện cụ thể các khoản nợ nêu trên, tuy nhiên không thỏa thuận thời hạn trả cụ thể và lãi suất.

Ông Ch, bà Th đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà R trả số tiền, vàng còn nợ nhưng ông V, bà R không trả nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà R phải trả cho ông Ch, bà Th số tiền còn nợ là 71.106.000 đồng (*Bảy mươi một triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng*) và 10 chỉ vàng 9999. Tại phiên tòa ông Ch, bà Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Vũ Thị R trình bày:

Bà Vũ Thị R chỉ đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th đối với khoản vay 38.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 9999. Bà R không thừa nhận các khoản nợ 16.000.000 đồng vay ngày 05/6/2016 (âm lịch), khoản nợ từ việc mua bán thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu với tổng số tiền là 17.106.000 đồng, bà R không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Đinh Ngọc V, trong quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông V đều không có mặt, không trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay và mua tài sản với số tiền là 71.106.000 đồng và 10 chỉ vàng 9999.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R phải trả số tiền vay là 54.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 9999; các khoản nợ từ việc mua bán thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu là 17.106.000 đồng nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*”. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn là ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R có nơi cư trú tại thôn C, xã D, huyện K. Do đó, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Toà án ra bản án các đương không có yêu cầu áp dụng về thời hiệu. Căn cứ Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 157, Điều 429 của Bộ luật dân sự vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn là ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng ông V, bà R vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét nội dung khởi kiện của ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th đối với ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Vũ Thị R thừa nhận còn nợ ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th các khoản vay gồm số tiền 38.000.000 đồng ngày 26/6/2014 (âm lịch) và 10 chỉ vàng 9999 vay ngày 05/12/2012 (âm lịch). Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết không phải chứng minh.

Đối với số tiền 16.000.000 đồng vay ngày 05/6/2016 (âm lịch) và khoản tiền còn nợ từ việc mua, bán thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu là 17.106.000 đồng.

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Giấy vay tiền cộng vàng” (BL 35) có ký nhận của người vay là ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R; việc thoả thuận của các bên là tự nguyện; nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đối tượng của hợp đồng mua bán không thuộc trường hợp bị cấm và hạn chế chuyển nhượng. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền và mua bán tài sản giữa ông Ch, bà Th và ông V, bà R đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của ông V, bà R. Nội dung giấy vay tiền cộng vàng không thể hiện thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi và thực hiện hợp đồng mua bán tài sản không xác định được thời gian thanh toán.

Khoản 3 Điều 439 của Bộ luật dân sự quy định.

3. Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự quy định

1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến thời hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Tuy nhiên, mặc dù ông Ch, bà Th đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông V, bà R vẫn không trả là vi phạm về nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 440 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

2.2. Đối với quan điểm của bà R cho rằng không nợ ông Ch, bà Th số tiền 16.000.000 đồng vay ngày 05/6/2016 (âm lịch) và khoản tiền còn nợ từ việc mua, bán thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu là 17.106.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập ông V, bà R để đối chất làm rõ nội dung này, tuy nhiên ông V, bà R không có mặt và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình nên quan điểm trên của bà R là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông V, bà R phải thanh toán cho ông Ch, bà Th số tiền 71.106.000 đồng và 10 chỉ vàng 9999 tại thời điểm xét xử.

Theo biên bản xác minh ngày 06/9/2021 thì 10 chỉ 9999 có giá trị là: 10 chỉ vàng 9999 x 5.180.000 đồng = 51.800.000 đồng

3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hoàn trả ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th.

Buộc ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R phải trả cho ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th số tiền **71.106.000** đồng và 10 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Đinh Ngọc V, bà Vũ Thị R phải chịu số tiền 6.145.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả ông Phan Văn Ch, bà Bùi Thị Th số tiền 3.153.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0004099, ngày 24 tháng 3 năm 2021 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Thị Tím